

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-PT

Ngày 26-02-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Trọng Danh.

Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc K; cư trú tại: Đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ly N; cư trú tại: Đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ trụ sở tại: Đường N, phường, quận, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chi nhánh: Đường Ô, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Ly N, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc K, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ly N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 13-3-2009. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên bà N thường xúc phạm đến ông với những lời lẽ khó nghe; mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên ông bà đã tự sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay và không còn quan tâm lẫn nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Ly N có một con chung tên Huỳnh Ngọc Nhật M; sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008. Ly hôn, ông yêu cầu giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị Ly N có tài sản sau và khi ly hôn ông yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản chung:

+ Một ngôi nhà tại đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05-01-1998.

- + Số tiền 550.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần A
- Chi nhánh Ô, thành phố Đà Nẵng (Sổ tiết kiệm đứng tên bà N).

- Về nợ chung: Ông và bà Nguyễn Thị Ly N không có nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ly N, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn bà thống nhất như ông Huỳnh Ngọc K đã trình bày. Trong quá trình vợ chồng chung sống thì đã phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng theo bà là chưa trầm trọng để phải ly hôn, nên bà mong muốn ông K suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành.

- Về con chung: Bà và ông Huỳnh Ngọc K có một con chung tên Huỳnh Ngọc Nhật M; sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con một lần với số tiền là 75.000.000 đồng.

- Về tài sản chung:

+ Bà và ông Huỳnh Ngọc K có tài sản chung bao gồm:

* Một ngôi nhà tại đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05-01-1998.

* Số tiền 500.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần A

- Chi nhánh Ô, thành phố Đà Nẵng (Sổ tiết kiệm đứng tên bà Nguyễn Thị Na).

+ Trường hợp ly hôn, bà yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung kể trên và thối trả cho ông K số tiền 400.000.000 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Huỳnh Ngọc K đối với bà Nguyễn Thị Ly N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Huỳnh Ngọc K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ly N.

2. Về con chung:

Giao con chung là Huỳnh Ngọc Nhật M; sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Ngọc K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị Ly N được quyền sở hữu nhà và đất tại đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05-01-1998; và số tiền tiết kiệm đứng tên bà N hiện gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần A là 502.250.685 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ly N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Ngọc K số tiền 605.978.703 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ đối với con chung; án phí; nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-12-2018, bà Nguyễn Thị Ly N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Ngọc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ly N và ông Huỳnh Ngọc K thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con:

- Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Nhật M; sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Ly N trực tiếp nuôi.

- Ông Huỳnh Ngọc K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Huỳnh Ngọc Nhật M mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị Ly N sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và

quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05-01-1998; giá trị nhà và đất là 709.760.721 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Ly N sở hữu số tiền tiết kiệm 502.250.685 đồng hiện bà N đã rút về và quản lý.

- Bà Nguyễn Thị Ly N có nghĩa vụ thanh có nghĩa vụ thanh toán thôi trả cho ông Huỳnh Ngọc K số tiền chia tài sản chung là 502.250.685 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

- Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 24.090.027 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ly N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 32.390.428 đồng.

Về chi phí định giá tài sản: Ông Huỳnh Ngọc K tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản với số tiền 4.500.000 đồng.

Xét thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[3] Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Ly N phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc K và bà Nguyễn Thị Ly N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con:

- Giao con chung là Huỳnh Ngọc Nhật M; sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Ly N trực tiếp nuôi.

- Ông Huỳnh Ngọc K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Huỳnh Ngọc Nhật M mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ ngày tuyên án phúc thẩm cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Ngọc K và bà Nguyễn Thị Ly N có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị Ly N sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05 tháng 01 năm 1998; giá trị nhà và đất giao cho bà N là 709.760.721 đồng (Bảy trăm linh chín triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm hai mươi một đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Ly N sở hữu số tiền tiết kiệm 502.250.685 đồng (Năm trăm linh hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn, sáu trăm tám mươi lăm đồng) hiện bà đã rút về và đang quản lý.

- Bà Nguyễn Thị Ly N có nghĩa vụ thanh có nghĩa vụ thanh toán thời trả cho ông Huỳnh Ngọc K số tiền chia tài sản chung là 502.250.685 đồng (Năm trăm linh hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn, sáu trăm tám mươi lăm đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Bà Nguyễn Thị Ly N có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 008174 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; ông K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

- Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 24.090.027 đồng (Hai mươi bốn triệu, không trăm chín mươi ngàn, không trăm hai mươi bảy đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ly N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 32.390.428 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi ngàn, bốn trăm hai mươi tám đồng).

Về chi phí định giá tài sản: Ông Huỳnh Ngọc K tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản với số tiền 4.500.000 đồng; ông K đã nộp tạm ứng và đã chi thanh toán xong cho Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE – Chi nhánh Đà Nẵng, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000376 ngày 03 tháng 8 năm 2018.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ly N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004335 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam